

Bản án số:23/2019/HS-ST
Ngày 09 - 7 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Khánh Vũ;

Ông Nguyễn Hữu Quy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Ngọc Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019 tại Phòng xét xử số 01 - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Văn T (tên gọi khác: **N**), sinh ngày 09 tháng 4 năm 1990, tại Quảng Trị; nơi cư trú: Khu phố M, phường B, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Không nghề; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quốc D, sinh năm 1955 (đã chết) và bà Phan Thị L, sinh năm 1958; vợ Đỗ Thị P, sinh năm 1990, có 02 con (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/11/2018 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo:**

Ông Võ Sỹ C, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư B, Đoàn luật sư tỉnh Quảng Trị, có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Chị Trần Thị L, sinh năm 1987; trú tại: 223 N, khu phố M, phường B, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

*** Người làm chứng:**

Anh Văn Việt L, sinh năm 1991, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/11/2018, Trần Văn T liên hệ với một người đàn ông tên thường gọi là Đ ở xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị mua 02 gói ma túy tổng hợp dạng viên nén, có in chữ WY, với giá 20.000.000đồng, để bán lại kiếm lời. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày có người tên N (không rõ lai lịch, địa chỉ) gọi điện thoại cho T đến khu vực Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị để nhận ma túy từ N và nói Đ giao. Sau đó, T đưa ma túy đến khu vực bãi đất trống gần nhà nghỉ Đ, thuộc thôn C, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Trị để cất dấu và lấy ra 02 viên ma túy trong số ma túy mua được sử dụng thì phát hiện có lẫn mùi xà phòng. Khoảng 22 giờ cùng ngày T liên lạc với Đ 02 bên thống nhất ngày 15/11/2018, T đưa số ma túy đã mua để đổi lại ma túy. Vào lúc 09 giờ 25 phút ngày 15/11/2018 Trần Văn T thuê xe ô tô biển kiểm soát 74A-071.07 của Công ty Taxi L do anh Văn Viết L điều khiển đưa số ma túy trên đổi lại thì bị Công an huyện Triệu Phong bắt giữ quả tang.

Tại bản kết luận giám định số: 01/KLGD ngày 18/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị kết luận: 04 viên nén màu hồng được niêm phong ký hiệu M1 gửi đến giám định có khối lượng 0,3787gam là ma túy Methamphetamine; 343 viên nén màu hồng và 04 viên nén màu xanh được niêm phong ký hiệu M2 gửi đến giám định có khối lượng 36,1221 gam ma túy Methamphetamine.

Quá trình điều tra đã thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật gồm: 34,7451 gam ma túy Methamphetamine và bao gói còn lại sau giám định kí hiệu NS2A 054515; 01 túi xách màu nâu, kích thước (32x24)cm, có in dòng chữ JEEP BLUO, đã qua sử dụng; 01 ví da màu nâu kích thước (12x9,5)cm, đã qua sử dụng; 01 ống nhựa màu trắng, nắp màu xanh, kích thước (11x2,3)cm; 01 vỏ gói nylon màu đen, kích thước (06x3,2)cm; 01 máy điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, hiệu SAMSUNG, máy đã qua sử dụng, bên trong có gắn thẻ sim số thuê bao 0946478357; 01 thẻ Ngân hàng AGRIBANK mã số thẻ 9704050718768984; 01 thẻ Ngân hàng VIETCOMBANK mã số thẻ 9704366810855618011; 01 giấy phép hạng C số 460165668549 mang tên Văn Viết L; 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, số loại Grand I10-1.0 MTBASE, số khung W1CAHN000625, số máy G3LAHM338135, biển kiểm soát 74A-071.07; 01 giấy chứng nhận kiểm định số KC3889391; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS số 004758641; 01 giấy biên nhận thế chấp ngân hàng số 167/2018 của Ngân hàng SACOMBANK-PGD: Triệu Hải lập ngày 26/10/2018; 01 bản sao chứng nhận đăng ký xe ô tô số 011529; tiền Việt Nam 65.300.000đồng.

Hiện đã trả lại 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai biển kiểm soát 74A-071.07; 01 giấy chứng nhận kiểm định số KC3889391; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS số 004758641; 01 giấy biên nhận thế chấp ngân hàng số 167/2018 của Ngân hàng SACOMBANK; 01 bản sao chứng nhận đăng ký xe ô tô số 011529, 01 giấy phép hạng C số 460165668549 mang tên Văn Viết Long cho chủ sở hữu, các vật chứng còn lại hiện được tạm giữ theo quy định của pháp luật.

Cáo trạng số: 16/CT-VKS-P1 ngày 23/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

Quảng Trị đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 11 đến 12 năm tù. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy: 34,7451 gam ma túy Methamphetamine và bao gói còn lại sau giám định, được niêm phong ký hiệu NS2A 054515, 01 túi xách màu nâu, 01 ví da màu nâu, 01 ống nhựa màu trắng nắp xanh, vỏ gói nylon màu đen. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, hiệu SAMSUNG. Trả lại cho bị cáo: 01 ATM thẻ ngân hàng Agribank, 01 ATM thẻ ngân hàng Vietcombank; 300.000đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Trả lại cho chị Trần Thị L số tiền 65.000.000đồng. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị: Ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị xem xét thêm cho bị cáo có ông bà ngoại là người có công; bị cáo là công dân tốt, thành khẩn khai báo, ân hận về hành vi phạm của mình; bản thân mồ côi cha từ nhỏ, mẹ hiện đã già yếu, vợ bỏ đi và 02 con đang còn nhỏ không có ai chăm sóc; khối lượng ma túy khi bị cáo bị bắt không lớn và chưa phát tán nên đề nghị xử phạt bị cáo mức thấp nhất của dưới khung hình phạt liền kề để tạo điều kiện cho bị cáo sớm về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị cáo khai nhận: Ngày 14/11/2018 Trần Văn T đã mua của người đàn ông tên Đ 02 gói ma túy tổng hợp với giá 20.000.000đồng để về bán lại kiếm lời, sau khi đưa về cất giấu và lấy ra 02 viên để sử dụng thì T thấy ma túy có lẫn mùi xà phòng nên điện thoại cho Đ hẹn đổi lại ma túy. Khoảng 09 giờ 25 phút ngày 15/11/2018 khi đang ngồi trên xe Taxi để đưa số ma túy trên đi đổi thì bị cáo bị Công an huyện Triệu Phong bắt quả tang. Số ma túy thu giữ được theo kết luận giám định có tổng khối lượng 36,5008gam là ma túy loại Methamphetamine. Hành vi của bị cáo Trần Văn T đã phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 3 Điều 251 BLHS như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Đối với người tên Đ sử dụng số điện thoại 0975143265 Cơ quan điều tra đã xác định chủ số thuê bao trên là Phan Văn T sinh ngày 24/4/1994 địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Công an xã H, huyện T, tỉnh Quảng Trị, xác định hiện Phan Văn T không có mặt ở địa phương, không rõ đi đâu, làm gì; người đàn ông tên N không rõ lai lịch, địa chỉ. Vì vậy khi nào xác minh rõ sẽ xử lý sau nên HĐXX không xem xét những đối tượng trên. Đối với Văn Viết L khi chở Trần Văn T trên xe ô tô biển kiểm soát 74A-071.07 không biết T vận chuyển ma túy nên không xem xét xử lý.

[4]. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền về ma túy của Nhà nước; ma túy làm huỷ hoại sức khoẻ, nhân cách, ảnh hưởng đến giống nòi, là nguyên nhân phát sinh cho các loại tội phạm, tệ nạn xã hội khác, gây mất trật tự, an toàn xã hội. Đặc biệt thời gian gần đây các loại tội phạm về ma túy đang có chiều hướng gia tăng, gây lo lắng và bức xúc trong nhân dân. Do đó, cần phải được xử lý nghiêm.

[5]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra bị cáo nhận tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; bị cáo còn tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án nên cần áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, t khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện tại vợ đã bỏ đi, 02 con đang con nhỏ đang sống cùng bà nội đã già yếu (có xác nhận của chính quyền địa phương) nên xem xét áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, mặt khác khối lượng ma túy của bị cáo mua bán chỉ mới ở trên mức khởi điểm của khung hình phạt. HĐXX thấy rằng, cần áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để xử dưới khung hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa nhằm tạo cơ hội cho bị cáo sớm cải tạo tốt trở về chăm sóc nuôi dưỡng các con và mẹ già yếu.

[6]. Về xử lý vật chứng: Cần tịch thu tiêu hủy những vật chứng cấm tàng trữ, lưu hành và không có giá trị sử dụng gồm: 01 túi nylon có ký hiệu NS2A 054515 chứa 34,7451gam ma túy Methamphetamine và bao gói trả lại sau giám định; 01 túi xách màu nâu; 01 ví da màu nâu; 01 ống nhựa màu trắng; 01 vỏ nylon màu đen. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung do bị cáo dùng vào việc liên lạc phạm tội. Trả lại cho bị cáo: 02 thẻ ATM.

Đối với số tiền 65.300.000đồng thu giữ trong vụ án: Theo lời khai của bị cáo số tiền 300.000đồng là của gia đình bị cáo gửi tiền để mua sữa cho con bị cáo và bị cáo không sử dụng vào hành vi phạm tội nên cần trả lại số tiền này cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Còn lại 65.000.000đồng bị cáo khai là của chị gái là Trần Thị L nhờ bị cáo đi gửi tiền hàng nhưng chưa chuyên được thì đã bị bắt; tại các bản tự khai và ghi lời khai (bút lục: 254-258) chị Trần Thị L đều xác nhận ngày 14/11/2018 đã nhờ Trần Văn T chuyển giùm 65.000.000đồng cho chủ hàng bán áo quần trên mạng Internet và sau đó mới biết T bị bắt về hành vi mua bán ma túy khi chưa chuyên được tiền, đây là số tiền làm ăn hợp pháp của mình nên chị L đề nghị xác minh làm rõ để trả lại số tiền trên. HĐXX thấy rằng quá trình điều tra không chứng minh được số

tiền trên có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, cả bị cáo và chị L đều xác nhận số tiền 65.000.000đồng là của chị L nên cần trả lại cho chị Trần Thị L số tiền trên theo đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[8]. Ra Quyết định tạm giam đối với bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T (tên gọi khác: N) phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS, xử phạt bị cáo **Trần Văn T**: 11 (mười một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 15/11/2018.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 1, các điểm a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

* *Tịch thu tiêu hủy:*

- 01 túi nylon, ngoài có chữ ký của những người tham gia niêm phong là Nguyễn Phú Q, Đỗ Khánh T, Ngô Thị T, Đinh Đức Đ và có ký hiệu “**NS2A 054515**”, bên trong chứa: 34,7451 gam ma túy Methamphetamine và bao gói trả lại sau giám định.

- 01 túi xách màu nâu, kích thước (32x24)cm, trên thân có in dòng chữ JEEP BLUO, túi đã qua sử dụng.

- 01 ví da màu nâu có kích thước (12x9,5)cm, ví đã qua sử dụng;

- 01 ống nhựa màu trắng, nắp màu xanh, kích thước (11x2,2)cm.

- 01 vỏ gói nylon màu đen, kích thước (6x3,2)cm

* *Trả lại cho bị cáo:*

- 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank, mã số thẻ 9704050718768984.

- 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank, mã số thẻ 9704366810855618011.

- Tiền do ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành: 300.000đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

* *Trả lại cho chị Trần Thị L:*

- Tiền do ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành: 65.000.000đồng.

* *Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:*

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, kích thước (15,5x7,2)cm, trên thân máy có chữ SAMSUNG, máy đã qua sử dụng, bên trong có gắn thẻ sim số thuê bao 0946478357.

(Vật chứng trên hiện có tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29 tháng 5 năm 2019)

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những nội dung liên quan đến mình để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị (PC04).
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người TGTT;
- Phòng KTNV & THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Tân